

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-ST

Ngày: 20/3/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Cúc, Ông Phạm Văn Hay

- Thư ký phiên toà: Lê Hồng Nhung – Thư ký Tòa án. Toà án nhân dân thành phố Sầm Sơn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Sầm Sơn tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2024. Tại hội trường xét xử Toà án nhân dân TP Sầm Sơn, tỉnh thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2024/TLSTHS ngày 06/02/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS, ngày 29/02/2024, đối với:

Bị cáo: - **Cao Duy N** – Sinh năm 1991. Nơi đăng ký HK thường trú: TDP K, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Cao Duy R (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị G; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Nguyễn Thị M, có một con, sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/9/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 30/8/2013, nộp xong án phí ngày 08/11/2011, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2023 đến ngày 21/12/2023, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1, Chị Văn Thị L – SN 1977. Địa chỉ: TDP T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

2, Đặng Bá T – SN 1996. Địa chỉ: TDP K, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

3, Hồ Đắc T1 – SN 1995. Địa chỉ: TDP L, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

4, Nguyễn Hữu G1 – SN 1985. Địa chỉ: TDP L, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

5, Nguyễn Đoàn T2 – SN 1991. Địa chỉ: Số F A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh hóa.

6, Nguyễn Thị K – SN 1977. Địa chỉ: TDP K, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

7, Cao Xuân L1 – SN 1995. Địa chỉ: TDP H, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

Người làm chứng:

1, Chị Nguyễn Thị M – SN 2001. Địa chỉ: TDP K, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh hóa;

2, Chị Ngô Thị N1 – SN 1977. Địa chỉ: TDP C, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa: Có mặt bị cáo; Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cao Duy N vay số tiền 500.000.000 đồng của ngân hàng TMCP P (O) để mở cửa hàng cắt tóc gội đầu, do chưa dùng hết số tiền này nên N đã sử dụng để cho vay lãi nặng

Từ khoảng tháng 9 năm 2022, Cao Duy N cho nhiều người vay với hình thức vay, trả lãi theo tháng; “bốc bát họ” trả gốc theo ngày, lãi thu trước, thỏa thuận lãi xuất 3000 đồng/triệu/ngày và ấn định thời hạn, phân kỳ trả tiền gốc. Việc thanh toán, Cao Duy N cung cấp các số tài khoản của V là 103836112222 của N và số 104800130801 của Nguyễn Thị M (vợ N) để người vay chuyển tiền hoặc trả trực tiếp cho N. Cụ thể như sau:

1. Cho vay, trả lãi hàng tháng:

1.1 Cuối tháng 9/2022, Văn Thị L ở tổ dân phố T, phường Q, thành phố S vay Nam số tiền 25.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 2.250.000 đồng/tháng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Văn Thị L trả đủ 13 tháng tiền lãi với số tiền 31.500.000 đồng. Tiền lãi theo quy định 5.753.425 đồng, thu lời bất chính 25.746.575 đồng. Hiện nay Văn Thị L chưa trả tiền gốc.

1.2 Ngày 25/9/2023, Đặng Bá T ở tổ dân phố K, phường T, thành phố S vay Nam số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 900.000 đồng/tháng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. T trả đủ 02 tháng tiền lãi

với số tiền 1.800.000 đồng. Tiền lãi theo quy định 328.767 đồng, thu lời bất chính 1.471.233 đồng. Hiện nay Đặng Bá T chưa trả tiền gốc.

1.3. Giữa tháng 11/2023 anh Hồ Đắc T1, sinh năm 1985 ở tổ dân phố L, phường B, thành phố S vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 900.000 đồng/tháng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. T1 trả đủ 01 tháng tiền lãi với số tiền 900.000 đồng. Tiền lãi theo quy định 164.384 đồng, thu lời bất chính được 735.616 đồng. Hiện nay Hồ Đắc T1 chưa trả tiền gốc.

1.4. Đầu tháng 11/2023, Nguyễn Hữu G1 ở tổ dân phố L, phường B, thành phố S vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 900.000 đồng/tháng, tương đương 3.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. G1 chưa nộp tiền lãi cho N. Vì vậy N nhằm thu lời bất chính 735.616 đồng, tiền lãi theo quy định 164.384 đồng. Hiện nay Nguyễn Hữu G1 chưa trả tiền gốc.

2. Cho vay dưới hình thức “bóc bát họ”:

2.1. Nguyễn Đoàn T2 ở phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vay như sau:

- Ngày 31/12/2022, T2 bóc bát họ với số tiền 20.000.000 đồng, N cắt lãi trước 3.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 547.945 đồng. N thu lời bất chính 2.452.055 đồng.

- Ngày 06/02/2023, T2 tiếp tục bóc bát họ với số tiền 20.000.000 đồng, N cắt lãi trước 3.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 547.945 đồng. N thu lời bất chính 2.452.055 đồng.

- Ngày 07/3/2023, T2 tiếp tục bóc bát họ với số tiền 20.000.000 đồng, N cắt lãi trước 3.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 547.945 đồng. N thu lời bất chính 2.452.055 đồng.

- Ngày 11/4/2023, T2 tiếp tục bóc bát họ với số tiền 20.000.000 đồng, N cắt lãi trước 3.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 547.945 đồng. N thu lời bất chính 2.452.055 đồng.

- Ngày 18/8/2023, T2 tiếp tục bóc bát họ với số tiền 10.000.000 đồng, N cắt lãi trước 1.500.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 273.973 đồng, thu lời bất chính 1.226.027 đồng. Hiện T2 đã trả hết tiền nợ cho N

2.2. Ngày 01/12/2023, Nguyễn Thị K ở tổ dân phố K, phường T, thành phố S bốc bắt họ với số tiền 20.000.000 đồng, N cắt lãi trước 3.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng. Tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 547.945 đồng. N thu lời bất chính 2.452.055 đồng. Hiện K còn nợ tiền gốc là 13.200.000 đồng.

2.3. Cao Xuân L1 ở tổ dân phố H, phường B, thành phố S vay tiền như sau:

- Ngày 11/01/2023, L1 bốc bắt họ với số tiền 10.000.000 đồng, N cắt lãi trước 1.500.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 273.973 đồng. N thu lời bất chính 1.226.027 đồng.

- Tháng 02/2023, L1 tiếp tục bốc bắt họ với số tiền 10.000.000 đồng, N cắt lãi trước 1.500.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định. N thu lời bất chính 1.226.027 đồng, lãi theo quy định 273.973 đồng;

- Tháng 3/2023, L1 tiếp tục bốc bắt họ với số tiền 10.000.000 đồng, N cắt lãi trước 1.500.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 273.973. N thu lời bất chính 1.226.027 đồng.

- Tháng 4/2023, L1 tiếp tục bốc bắt họ với số tiền 20.000.000 đồng, N cắt lãi trước 3.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 547.945 đồng. N thu lời bất chính 2.452.055 đồng.

- Tháng 6/2023, L1 tiếp tục bốc bắt họ với số tiền 10.000.000 đồng, N cắt lãi trước 1.500.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 273.973 đồng. N thu lời bất chính 1.226.027 đồng.

- Tháng 7/2023, L1 tiếp tục bốc bắt họ với số tiền 10.000.000 đồng, N cắt lãi trước 1.500.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 273.973 đồng. N thu lời bất chính 1.226.027 đồng.

- Tháng 8/2023, L1 tiếp tục bốc bắt họ với số tiền 20.000.000 đồng, N cắt lãi trước 3.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm. Tiền lãi theo quy định 547.945 đồng. N thu lời bất chính 2.452.055 đồng.

- Tháng 9/2023, L1 tiếp tục bóc bắt họ với số tiền 20.000.000 đồng, N cắt lãi trước 3.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, tương đương 3.000đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,50%/năm, T3 lãi theo quy định 547.945 đồng. N thu lời bất chính 2.452.055 đồng. Hiện L1 đã trả hết tiền nợ cho N.

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N2, quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với khách hàng. Xác định Cao Duy N đã cho 07 người vay với số tiền cộng dồn là 275.000.000 đồng, tuy nhiên có Nguyễn Đoàn T2, Cao Xuân L1 đã vay nhiều lần, nhưng N chỉ sử dụng số tiền cho mỗi người vay là 20.000.000 đồng để quay vòng. Do đó, xác định tổng số tiền Cao Duy N sử dụng để cho vay là 115.000.000 đồng, lãi suất 109.5%/năm cao gấp từ 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính 55.661.644 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại NOKIA 1280, hiện đang được bảo quản theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn Thị L, Nguyễn Đoàn T2, Cao Xuân L1, đề nghị bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất mà pháp luật cho phép.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Bá T4, Hồ Đắc T1, Nguyễn Hữu G1, Nguyễn Thị K, không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất mà pháp luật cho phép.

Cáo trạng số 19 ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn truy tố: Cao Duy N, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo. Phạt Cao Duy N số tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, nộp ngân sách nhà nước

Về biện pháp tư pháp cần áp dụng để giải quyết vụ án:

- Đối với khoản tiền Cao Duy N sử dụng để cho những người liên quan vay là 115.000.000 đồng, hiện tại chưa thu được từ người liên quan Văn Thị L, Đặng Bá T, Hồ Đắc T1, Nguyễn Hữu G1 tổng là 55.000.000 đồng; bị cáo đã thu được của Nguyễn Đoàn T2, Cao Xuân L1, Nguyễn Thị K tổng là 46.800.000 đồng – được

xác định là phương tiện phạm tội đề nghị tịch thu xung công quỹ nhà nước, vì vậy đề nghị truy thu từ người liên quan là 55.000.000 đồng, truy thu từ bị cáo 46.800.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20% năm, là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người vay, nên bị cáo phải trả lại cho người vay có yêu cầu là Nguyễn Đoàn T2 11.034.000 đồng, Văn Thị L 25.746.000 đồng, Cao Xuân L1 13.486.000 đồng. còn những người liên quan khác không có yêu cầu, đề nghị không xem xét. Tại phiên tòa bị cáo xuất trình hai giấy nhận tiền khắc phục hậu quả cho Nguyễn Đoàn T2 11.034.000 đồng, Cao Xuân L1 13.486.000 đồng. nên được ghi nhận và bị cáo còn phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Văn Thị L 25.746.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% là: 12.438.358 đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, mà bị cáo đã thu từ những người liên quan đề nghị HĐXX tuyên truy thu từ bị cáo, xung công quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại NOKIA 1280 bị cáo sử dụng gọi cho người vay đòi trả lãi – là công cụ phạm tội cần tịch thu phát mãi nộp ngân sách nhà nước.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí:

Áp dụng: khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm./.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa – Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên, ở các giai đoạn điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định trong bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố bị cáo không có khiếu nại. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được, phù hợp với tang vật chứng trong vụ án đủ căn cứ và cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến ngày 18/12/2023, Cao Duy N đã cho 7 người vay với tổng số tiền là 115.000.000 đồng, tương đương với mức lãi

suất là 109.5%/năm, vượt 5,48 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thu lợi bất chính 55.661.644 đồng. Hành vi trên của bị cáo Cao Duy N, đủ cơ sở để đưa bị cáo ra xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này có chị Nguyễn Thị M (vợ Cao Duy N) là người đăng ký tên tài khoản số 104800130801 ngân hàng V1. Tài khoản này do Cao Duy N sử dụng. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị M không biết Cao Duy N cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng.

[3]. *Tính chất của vụ án.* Cho vay nặng lãi thực chất là hình thức tín dụng tư nhân, chuyên cho vay với mức lãi suất cao so với lãi xuất thông thường, không nằm trong khuôn khổ hoạt động của các tổ chức tín dụng hợp pháp, không theo các quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng ngân hàng. Thời gian gần đây, hoạt động cho vay nặng lãi hay còn gọi là tín dụng “đen” đang có những diễn biến phức tạp trên cả nước, đồng thời cũng là nguyên nhân sâu xa dẫn đến không ít vụ án nghiêm trọng, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng, cụ thể là xâm phạm đến trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, xem thường kỷ cương pháp luật, ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với loại tội phạm này để giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. *Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*Khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*”; Biết hành vi của mình không thể trốn tránh được nên đã ra cơ quan công an khai báo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*đầu thú*” các tình tiết nêu trên được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của các bị cáo. Xét thấy cần phải xử lý trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ để răn đe giáo dục và phòng ngừa.

[6]. *Về các biện pháp tư pháp.*

- Đối với khoản tiền Cao Duy N sử dụng cho những người liên quan vay tổng cộng là 115.000.000 đồng được xác định là phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền này còn chưa thu được từ người liên quan Văn Thị L

25.000.000 đồng; Đặng Bá T 10.000.000 đồng; Hồ Đắc T1 10.000.000 đồng, Nguyễn Hữu G1 10.000.000 đồng; Bị cáo đã thu được từ Nguyễn Đoàn T2 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị K 6.800.000 đồng; Cao Xuân L1 20.000.000 đồng. Vì vậy truy thu từ bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan L, T, T1, G1. (điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS)

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% năm là: 12.438.358 đồng, đây là khoản tiền lợi nhuận phát sinh từ tội phạm, bị cáo đã được nhận từ người vay, cần truy thu từ bị cáo để nộp ngân sách nhà nước. (Điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS)

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt trên 20% tổng cộng là: 53.209.587 đồng (số thực thu), đây là khoản tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nên bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu là Nguyễn Đoàn T2 11.034.000 đồng, Văn Thị L 25.746.000 đồng, Cao Xuân L1 13.486.000 đồng (Khoản 2 Điều 47 BLHS). Ghi nhận bị cáo đã khắc phục cho Nguyễn Đoàn T2 11.034.000 đồng, Cao Xuân L1 13.486.000 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu tòa án không xem xét.

- 01 điện thoại NOKIA 1280 bị cáo sử dụng gọi cho người vay đòi trả lãi – là công cụ phạm tội cần tịch thu phát mãi nộp ngân sách nhà nước. (Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BL Tố tụng Hình sự)

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTV QH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 201, Điều 35, Điều 47; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

- Điểm a, b khoản 2; Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 – UBTVQH14 về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Cao Duy N, phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về hình phạt: Áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo. Phạt bị cáo số tiền 70.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Các biện pháp tư pháp:

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 115.000.000 đồng, trong đó truy thu từ

bị cáo 46.800.000 đồng, truy thu từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn Thị L 25.000.000 đồng, Đặng Bá T 10.000.000 đồng, Hồ Đắc T1 10.000.000 đồng, Nguyễn Hữu G1 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị K 13.200.000 đồng

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% năm là: 12.438.358 đồng (làm tròn số: 12.438.000 đồng) từ bị cáo Cao Duy N.

- Bị cáo Cao Duy N phải trả lại khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt trên 20% mà bị cáo đã thu, cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Văn Thị L là 25.746.000 đồng; Ghi nhận bị cáo đã khắc phục cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đoàn T2 11.034.000 đồng, Cao Xuân L1 13.486.000 đồng. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tịch thu phát mãi nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại NOKIA 1280 của bị cáo Cao Duy N. Theo biên bản giao nhận vật chứng số 23, ngày 05/02/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sầm Sơn.

Án phí: Bị cáo Cao Duy N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được quyết định thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án DS./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Phong